

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG
Bản án số: 40/2018/HS-PT
Ngày: 24/4/2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chát.

Các Thẩm phán: Ông Mạc Minh Quang

Ông Nguyễn Huy Hiệu

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đào Chính Hương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 56/2018/TLPT-HS ngày 09 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Thị K và bị cáo Trần Văn T do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 08/2018/HS-ST ngày 21/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện.

Bị cáo kháng cáo:

1. Nguyễn Thị K, sinh năm 1962 tại xã ĐT, huyện TM; Địa chỉ: thôn Đ, xã ĐT, huyện TM, tỉnh HD; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 7/10; dân tộc kinh; giới tính nữ; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Ồ và bà Phạm Thị B; có chồng là Trần Văn T, có 03 con, lớn sinh năm 1984, nhỏ sinh năm 1987; Tiền án, tiền sự: chưa; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/10/2017 đến ngày 15/10/2017, hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Trần Văn T, sinh năm 1962 tại xã ĐT, huyện TM; Địa chỉ: thôn Đ, xã ĐT, huyện TM, tỉnh HD; Nghề nghiệp lái xe; Trình độ văn hóa 7/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính Nam; Tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Trần Văn D (chết) và bà Nguyễn Thị Th; có vợ là Nguyễn Thị K có 03 con, lớn sinh năm 1984, nhỏ sinh năm 1987; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/10/2017 đến ngày 15/10/2017, hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Ngoài ra vụ án còn 01 bị cáo không kháng cáo và không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 8 năm 2017, Nguyễn Thị K nảy sinh ý định nhận làm chủ ghi số lô, số đề để đánh bạc hưởng lợi. K gặp Nguyễn Thị H và thỏa thuận với H thuê H làm thư ký ghi số lô, số đề rồi chuyển bảng cho K để hưởng hoa hồng. H sẽ được 20% tiền bán số đề và lô xiên, đối với lô hai số thì K trả cho H 5% tiền bán số lô. Hằng ngày, K sẽ đến trực tiếp nhà H để nhận bảng trước giờ mở thưởng kết quả số xổ miền bắc. Nếu K không đi được thì nhờ Trần Văn T là chồng K đi thu hộ, việc thanh toán tiền được thực hiện vào ngày hôm sau.

Ngày 06/10/2017, Nguyễn Thị K ở nhà mình tại thôn Đ, xã TT, huyện TM, tỉnh HD bán số lô, số đề cho khách, Nguyễn Thị H tự ghi các số đề, số lô ra một tờ giấy để đánh bạc với K. Khoảng 18 giờ, K nhờ chồng là Trần Văn T đến nhà H để nhận bảng số lô, số đề. K đang ở nhà thì có Lê Văn A, sinh năm 1965 ở TM, thành phố HD đến mua số lô, số đề với tổng số tiền là 300.000đ, trong đó số đề là 200.000đ, số lô là 100.000đ; Khi K vừa nhận tiền của A và ghi cho A tờ giấy có các số lô, số đề thì bị lực lượng Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hải Dương bắt quả tang; thu giữ trên người K số tiền 300.000đ vừa nhận của A, thu trong người A 01 tờ giấy ghi các số tự nhiên và thu giữ trên bàn uống nước nhà K 05 tờ giấy ghi các số lô, số đề K bán cho nhiều người nhưng không nhớ tên người mua, tổng số tiền ghi trên bảng lô, đề là 2.585.000đ. Trong khi đang bắt giữ K thì T đi thu bảng đề của H về chưa kịp giao cho K thì bị Cơ quan điều tra phát hiện, thu giữ trên tay của T 01 bảng số lô, số đề nhận của H, tổng số tiền ghi trên bảng là 10.345.000đ.

Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2018/HSST ngày 22/01/2018 đã áp dụng khoản 1, 3 Điều 248; Điều 20; Điều 53; Điều 33; Điểm s,p khoản 1,2 điều 46 BLHS năm 1999 đối với cả hai bị cáo; điểm h khoản 1 Điều 46 BLHS 1999 đối với K; Điểm s,p; Xử phạt bị cáo K 11 tháng tù được trừ 09 ngày tạm giữ, bị cáo T 08 tháng tù được trừ 09 ngày tạm giữ, kể từ ngày bắt thi hành án. Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, xử lý vật chứng, hình phạt bổ sung và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/01/2018, bị cáo K và bị cáo T kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Bị cáo K giữ nguyên nội dung kháng cáo, bị cáo T thay đổi nội dung kháng cáo xin hưởng án treo, nếu không được thì xin giảm nhẹ hình phạt. Các bị cáo đề nghị HĐXX xem

xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án sơ thẩm; Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị K, Trần Văn T phạm tội đánh bạc; Xử phạt bị cáo K 11 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 22 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm, giao bị cáo K cho Ủy ban nhân dân xã ĐT giám sát giáo dục; Xử bị cáo T 3 tháng tù được trừ đi 9 ngày tạm giữ, thời gian kể từ ngày bắt thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Kháng cáo của các bị cáo trong thời hạn quy định tại Điều 333 BLTTHS là kháng cáo hợp lệ, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại giai đoạn điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ kết luận:

[3]. Vào chiều ngày 06/10/2017, tại nhà của mình ở thôn Đ, xã TT, huyện TM, tỉnh HD, K đã có hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền dưới hình thức ghi số lô, số đề với người khác, tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc 13.230.000đ. Trần Văn T mặc dù không tham gia đánh bạc nhưng giúp K trong việc đi thu bằng số lô, số đề từ H.

[4]. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích kiếm lời nên thực hiện tội phạm, tiền dùng vào việc đánh bạc là 13.230.000đ, nên hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 248 BLHS 1999 nay là khoản 1 Điều 321 BLHS 2015, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đối với các bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật.

[5] Xét kháng cáo của bị cáo K, bị cáo là người trực tiếp đánh bạc với nhiều người bằng hình thức ghi số lô, số đề. K có nhân thân tốt, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ đó là khai báo thành khẩn; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có thành tích xuất sắc trong công tác; bố, mẹ bị cáo được tặng thưởng Huân, Huy chương; Tại cấp phúc thẩm bị cáo đã tự nguyện nộp tiền án phí và tiền phạt thể hiện sự ăn năn, hối cải. Các tình tiết giảm nhẹ này quy định tại điểm i, s, v khoản 1,2 điều 51 BLHS. Mặt khác trong vụ án này bị cáo K và

bị cáo T là vợ chồng nên cần chiếu cố cho bị cáo K được cải tạo tại địa phương để có điều kiện duy trì gia đình và nuôi dạy con cái.

[6] Xét kháng cáo của bị cáo T, bị cáo tham gia vụ án với vai trò thứ yếu đó là giúp sức cho bị cáo K thu bằng số lô, số đề. Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo, có thành tích xuất sắc trong công tác, tại cấp phúc thẩm đã tự nguyện nộp tiền án phí và tiền phạt thể hiện sự ăn năn hối cải. Các tình tiết này được quy định tại điểm s, v khoản 1, khoản 2 điều 51 BLHS. Tuy nhiên bị cáo T năm 2014 đã bị Tòa án nhân huyện Thanh Miện xử 9 tháng tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc, đến ngày phạm tội đã được xóa án tích nhưng chưa được coi là người có nhân thân tốt. Vì vậy bị cáo không có điều kiện được hưởng án treo, nên cần giảm nhẹ cho bị cáo với mức thấp nhất của khung hình phạt, thể hiện sự nhân đạo của pháp luật.

[7] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt.

[8]. Kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[9]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 355, Điều 357, Điều 136 BLTTHS; khoản 1 Điều 321; điểm i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS; Khoản 1, khoản 2 điều 60 BLHS năm 1999 đối với bị cáo K; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo T; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị K và bị cáo Trần Văn T, sửa bản án sơ thẩm số 08/2018/HS-ST ngày 22/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện về phần hình phạt. Xử:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị K và bị cáo Trần Văn T phạm tội “Đánh bạc”.
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị K 11 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 22 tháng, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (24/4/2018).

Giao bị cáo Nguyễn Thị K cho UBND xã ĐT, huyện TM, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

- Xử phạt bị cáo Trần Văn T 3 tháng tù, được trừ đi 9 ngày tạm giữ, còn phải chấp hành 2 tháng 21 ngày, thời hạn kể từ ngày bắt thi hành án.

2. Về án phí: Các Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 24/4/2018.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Sở TP tỉnh HD;
- Phòng HSNV-CA tỉnh HD;
- TAND huyện Thanh Miện;
- Công an huyện Thanh Miện
- VKSND huyện Thanh Miện;
- Chi cục THADS huyện Thanh Miện;
- UBND xã ĐT, huyện TM;
- Bị cáo;
- Lưu Tòa, Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Chát